

1. DATABASE

1.1. HIS_SERVICE_REQ

- Trường **MACHINE_NAMES** - VARCHAR2(200 BYTE): Các MACHINE_NAME ngăn cách bằng dấu phẩy (,)

1.2. Sửa view V_HIS_TREATMENT_FEE:

- Sửa công thức tính tiền TOTAL_BILL_AMOUNT, TOTAL_BILL_OTHER_AMOUNT, TOTAL_BILL_TRANSFER_AMOUNT: Bổ sung thêm điều kiện IS_ACTIVE (HIS_TRANSACTION) = 1
- Bổ sung trường LOCKING_AMOUNT được tính bằng tổng tiền thực thu của các giao dịch thanh toán/tạm ứng viện phí mà chưa bị hủy.
Cụ thể: $LOCKING_AMOUNT = SUM(AMOUNT - KC_AMOUNT)$ của HIS_TRANSACTION thỏa mãn:
 - TRANSACTION_TYPE_ID = (3, 1)
 - SALE_TYPE_ID IS NULL
 - IS_CANCEL NULL
 - TREATMENT_ID = ID của hồ sơ

1.3. Sửa view V_HIS_TREATMENT_FEE_1, V_HIS_TREATMENT_FEE_2, V_HIS_TREATMENT_FEE_3, V_HIS_TREATMENT_FEE_4:

- Sửa công thức tính tiền TOTAL_BILL_AMOUNT, TOTAL_BILL_OTHER_AMOUNT, TOTAL_BILL_TRANSFER_AMOUNT: Bổ sung thêm điều kiện IS_ACTIVE (HIS_TRANSACTION) = 1

1.4. L_HIS_SERVICE_REQ

- Bổ sung trường
 - ICD_CODE
 - ICD_NAME
 - ICD_SUB_CODE
 - ICD_TEXT
- Lấy dữ liệu từ các trường tương ứng trong HIS_SERVICE_REQ

1.5. Mô tả cho key cấu hình hệ thống “HIS.Desktop.Plugins.ContentSubclinical.ShowResultWhenReqComplete”

- 1: Chỉ xem kết quả CLS khi y lệnh hoàn thành
- 2: Dịch vụ xét nghiệm chỉ được xem kết quả khi y lệnh hoàn thành. Còn các dịch vụ khác luôn xem được kết quả.
- Khác: Luôn xem được kết quả

2. BACKEND

2.1. Sửa xử lý “base” gắn thông báo (message) của backend

- Sửa class **CommonParam**, bổ sung trường:
 - **MessageCodes: List<string>**
- Sửa class **MessageUtil**:
 - Hiện tại: Từ Enum truyền vào đang xử lý để lấy ra nội dung thông báo tương ứng với enum đó để truyền vào list **Messages (CommonParam)**
 - Yêu cầu bổ sung:
 - Lấy nội dung thông báo tương ứng với enum để truyền vào list **Messages (CommonParam)**
 - Lấy tên của enum để truyền vào list **MessageCodes(CommonParam)**. (code mẫu: `string messageCode = Enum.GetName(typeof(MOS.LibraryMessage.Message.Enum), en);`)

2.2. Api xử lý dịch vụ HisServiceReq/Start:

2.2.1. Nghiệp vụ kiểm tra viện phí khi bắt đầu xử lý y lệnh:

- Nếu **MOS.HIS_SERVICE_REQ.NOT_REQUIRE_FEE_FOR_BHYT = 4**:
 - Nếu y lệnh thuộc **1 trong các trường hợp sau** sẽ không chặn xử lý:
 - Diện điều trị nội trú (HIS_TREATMENT tương ứng với y lệnh có TDL_TREATMENT_TYPE_ID = 3)

- Diện điều trị ngoại trú (HIS_TREATMENT tương ứng với y lệnh có TDL_TREATMENT_TYPE_ID = 2)
- Phòng chỉ định (hoặc xử lý) là phòng cấp cứu (HIS_EXECUTE_ROOM tương ứng với EXECUTE_ROOM_ID/REQUEST_ROOM_ID có IS_EMERGENCY = 1)
- Có tick “Thu sau” (HIS_SERVICE_REQ có IS_NOT_REQUIRE_FEE = 1)
- Bệnh nhân không nợ viện phí (V_HIS_TREATMENT_FEE_1 có TOTAL_PATIENT_PRICE - TOTAL_DEPOSIT_AMOUNT - TOTAL_DEBT_AMOUNT - TOTAL_BILL_AMOUNT + TOTAL_BILL_TRANSFER_AMOUNT + TOTAL_REPAY_AMOUNT ≤ 0)
- Lấy các dịch vụ tương ứng với y lệnh đã được **thanh toán** và phiếu thanh toán chưa bị hủy và trạng thái giao dịch là “Mở khóa” (các HIS_SERE_SERV đều có HIS_SERE_SERV_BILL tương ứng, IS_CANCEL ≠ 1 và **IS_ACTIVE = 1**)
- Lấy các dịch vụ tương ứng với y lệnh đã được **tạm thu dịch vụ** và phiếu thanh toán chưa bị hủy, chưa bị hoàn ứng và trạng thái giao dịch là “Mở khóa” (các HIS_SERE_SERV đều có HIS_SERE_SERV_DEPOSIT, IS_CANCEL ≠ 1, **IS_ACTIVE = 1** và không có bản ghi HIS_SESE_DEPO_REPAY tương ứng)
- Các dịch vụ tương ứng với y lệnh có số tiền bệnh nhân phải trả ≤ 0 (HIS_SERE_SERV có VIR_TOTAL_PATIENT_PRICE ≤ 0)
- Hồ sơ có thông tin cho phép nợ viện phí OWE_TYPE_ID(HIS_TREATMENT) khác null
- Hồ sơ có thông tin Quỹ chi trả IS_FUND_ACCEPTED(HIS_SERE_SERV) = 1
- Ngược lại, nếu không thuộc các trường hợp trên thì **chặn không cho xử lý**
- **Nếu MOS.HIS_SERVICE_REQ.NOT_REQUIRE_FEE_FOR_BHYT = 3:**
 - Nếu y lệnh thuộc **1 trong các trường hợp sau** sẽ không chặn xử lý:
 - Diện điều trị nội trú (HIS_TREATMENT tương ứng với y lệnh có TDL_TREATMENT_TYPE_ID = 3)
 - Diện điều trị ngoại trú (HIS_TREATMENT tương ứng với y lệnh có TDL_TREATMENT_TYPE_ID = 2)
 - Phòng chỉ định (hoặc xử lý) là phòng cấp cứu (HIS_EXECUTE_ROOM tương ứng với EXECUTE_ROOM_ID/REQUEST_ROOM_ID có IS_EMERGENCY = 1)
 - Có tick “Thu sau” (HIS_SERVICE_REQ có IS_NOT_REQUIRE_FEE = 1)
 - Bệnh nhân không nợ viện phí (V_HIS_TREATMENT_FEE_1 có TOTAL_PATIENT_PRICE - TOTAL_DEPOSIT_AMOUNT - TOTAL_DEBT_AMOUNT - TOTAL_BILL_AMOUNT + TOTAL_BILL_TRANSFER_AMOUNT + TOTAL_REPAY_AMOUNT ≤ 0)
 - Lấy các dịch vụ tương ứng với y lệnh đã được **thanh toán** và phiếu thanh toán chưa bị hủy và trạng thái giao dịch là “Mở khóa” (các HIS_SERE_SERV đều có HIS_SERE_SERV_BILL tương ứng, IS_CANCEL ≠ 1 và **IS_ACTIVE = 1**)

- Lấy các dịch vụ tương ứng với y lệnh đã được **tạm thu dịch vụ** và phiếu thanh toán chưa bị hủy, chưa bị hoàn ứng và trạng thái giao dịch là “Mở khóa” (các HIS_SERE_SERV đều có HIS_SERE_SERV_DEPOSIT, IS_CANCEL ≠ 1, **IS_ACTIVE = 1** và không có bản ghi HIS_SESE_DEPO_REPAY tương ứng)
 - Các dịch vụ tương ứng với y lệnh có số tiền bệnh nhân phải trả ≤ 0 (HIS_SERE_SERV có VIR_TOTAL_PATIENT_PRICE ≤ 0)
 - Các dịch vụ tương ứng với y lệnh có đối tượng thanh toán là BHYT và có số tiền BHYT đồng chi trả > 0 (HIS_SERE_SERV có VIR_TOTAL_HEIN_PRICE > 0)
 - Hồ sơ có thông tin cho phép nợ viện phí OWE_TYPE_ID(HIS_TREATMENT) khác null
 - Hồ sơ có thông tin Quỹ chi trả IS_FUND_ACCEPTED(HIS_SERE_SERV) = 1
- Ngược lại, nếu không thuộc các trường hợp trên thì **chặn không cho xử lý**
- **Nếu MOS.HIS_SERVICE_REQ.NOT_REQUIRE_FEE_FOR_BHYT = 2:**
 - Nếu y lệnh thuộc **1 trong các trường hợp sau** sẽ không chặn xử lý:
 - Diện điều trị nội trú (HIS_TREATMENT tương ứng với y lệnh có TDL_TREATMENT_TYPE_ID = 3)
 - Phòng chỉ định (hoặc xử lý) là phòng cấp cứu (HIS_EXECUTE_ROOM tương ứng với EXECUTE_ROOM_ID/REQUEST_ROOM_ID có IS_EMERGENCY = 1)
 - Có tick “Thu sau” (HIS_SERVICE_REQ có IS_NOT_REQUIRE_FEE = 1)
 - Bệnh nhân không nợ viện phí (V_HIS_TREATMENT_FEE_1 có TOTAL_PATIENT_PRICE - TOTAL_DEPOSIT_AMOUNT - TOTAL_DEBT_AMOUNT - TOTAL_BILL_AMOUNT + TOTAL_BILL_TRANSFER_AMOUNT + TOTAL_REPAY_AMOUNT ≤ 0)
 - Lấy các dịch vụ tương ứng với y lệnh đã được **thanh toán** và phiếu thanh toán chưa bị hủy và trạng thái giao dịch là “Mở khóa” (các HIS_SERE_SERV đều có HIS_SERE_SERV_BILL tương ứng, IS_CANCEL ≠ 1 và **IS_ACTIVE = 1**)
 - Lấy các dịch vụ tương ứng với y lệnh đã được **tạm thu dịch vụ** và phiếu thanh toán chưa bị hủy, chưa bị hoàn ứng và trạng thái giao dịch là “Mở khóa” (các HIS_SERE_SERV đều có HIS_SERE_SERV_DEPOSIT, IS_CANCEL ≠ 1, **IS_ACTIVE = 1** và không có bản ghi HIS_SESE_DEPO_REPAY tương ứng)
 - Các dịch vụ tương ứng với y lệnh có số tiền bệnh nhân phải trả ≤ 0 (HIS_SERE_SERV có VIR_TOTAL_PATIENT_PRICE ≤ 0)
 - Các dịch vụ tương ứng với y lệnh có đối tượng thanh toán là BHYT và có số tiền BHYT đồng chi trả > 0 (HIS_SERE_SERV có VIR_TOTAL_HEIN_PRICE > 0)
 - Hồ sơ có thông tin cho phép nợ viện phí OWE_TYPE_ID(HIS_TREATMENT) khác null
 - Hồ sơ có thông tin Quỹ chi trả IS_FUND_ACCEPTED(HIS_SERE_SERV) = 1
 - Ngược lại, nếu không thuộc các trường hợp trên thì **chặn không cho xử lý**

- **Nếu MOS.HIS_SERVICE_REQ.NOT_REQUIRE_FEE_FOR_BHYT = 1:**

- Nếu y lệnh thuộc **1 trong các trường hợp sau** sẽ không chặn xử lý:

- Diện điều trị nội trú (HIS_TREATMENT tương ứng với y lệnh có TDL_TREATMENT_TYPE_ID = 3)
 - Phòng chỉ định (hoặc xử lý) là phòng cấp cứu (HIS_EXECUTE_ROOM tương ứng với EXECUTE_ROOM_ID/REQUEST_ROOM_ID có IS_EMERGENCY = 1)
 - Có tick “Thu sau” (HIS_SERVICE_REQ có IS_NOT_REQUIRE_FEE = 1)
 - Bệnh nhân không nợ viện phí (V_HIS_TREATMENT_FEE_1 có TOTAL_PATIENT_PRICE - TOTAL_DEPOSIT_AMOUNT - TOTAL_DEBT_AMOUNT - TOTAL_BILL_AMOUNT + TOTAL_BILL_TRANSFER_AMOUNT + TOTAL_REPAY_AMOUNT ≤ 0)
 - Lấy các dịch vụ tương ứng với y lệnh đã được **thanh toán** và phiếu thanh toán chưa bị hủy và trạng thái giao dịch là “Mở khóa” (các HIS_SERE_SERV đều có HIS_SERE_SERV_BILL tương ứng, IS_CANCEL ≠ 1 và **IS_ACTIVE = 1**)
 - Lấy các dịch vụ tương ứng với y lệnh đã được **tạm thu dịch vụ** và phiếu thanh toán chưa bị hủy, chưa bị hoàn ứng và trạng thái giao dịch là “Mở khóa” (các HIS_SERE_SERV đều có HIS_SERE_SERV_DEPOSIT, IS_CANCEL ≠ 1, **IS_ACTIVE = 1** và không có bản ghi HIS_SESE_DEPO_REPAY tương ứng)
 - Các dịch vụ tương ứng với y lệnh có số tiền bệnh nhân phải trả ≤ 0 (HIS_SERE_SERV có **VIR_TOTAL_PATIENT_PRICE ≤ 0**)
 - Hồ sơ điều trị là BHYT (HIS_TREATMENT có TDL_PATIENT_TYPE_ID tương ứng với BHYT)
 - Hồ sơ có thông tin cho phép nợ viện phí OWE_TYPE_ID(HIS_TREATMENT) khác null
 - Hồ sơ có thông tin Quỹ chi trả IS_FUND_ACCEPTED(HIS_SERE_SERV) = 1

- Ngược lại, nếu không thuộc các trường hợp trên thì **chặn không cho xử lý**

- **Giá trị khác:**

- Nếu y lệnh thuộc **1 trong các trường hợp sau** sẽ không chặn xử lý:

- Diện điều trị nội trú (HIS_TREATMENT tương ứng với y lệnh có TDL_TREATMENT_TYPE_ID = 3)
 - Phòng chỉ định (hoặc xử lý) là phòng cấp cứu (HIS_EXECUTE_ROOM tương ứng với EXECUTE_ROOM_ID/REQUEST_ROOM_ID có IS_EMERGENCY = 1)
 - Có tick “Thu sau” (HIS_SERVICE_REQ có IS_NOT_REQUIRE_FEE = 1)
 - Bệnh nhân không nợ viện phí (V_HIS_TREATMENT_FEE_1 có TOTAL_PATIENT_PRICE - TOTAL_DEPOSIT_AMOUNT - TOTAL_DEBT_AMOUNT - TOTAL_BILL_AMOUNT + TOTAL_BILL_TRANSFER_AMOUNT + TOTAL_REPAY_AMOUNT ≤ 0)
 - Lấy các dịch vụ tương ứng với y lệnh đã được **thanh toán** và phiếu thanh toán chưa bị hủy và trạng thái giao dịch là “Mở khóa” (các HIS_SERE_SERV đều có HIS_SERE_SERV_BILL tương ứng, IS_CANCEL ≠ 1 và **IS_ACTIVE = 1**)

- Lấy các dịch vụ tương ứng với y lệnh đã được **tạm thu dịch vụ** và phiếu thanh toán chưa bị hủy, chưa bị hoàn ứng và trạng thái giao dịch là “Mở khóa” (các HIS_SERE_SERV đều có HIS_SERE_SERV_DEPOSIT, IS_CANCEL ≠ 1, **IS_ACTIVE = 1** và không có bản ghi HIS_SESE_DEPO_REPAY tương ứng)
- Các dịch vụ tương ứng với y lệnh có số tiền bệnh nhân phải trả ≤ 0 (HIS_SERE_SERV có **VIR_TOTAL_PATIENT_PRICE ≤ 0**)
- Hồ sơ có thông tin cho phép nợ viện phí OWE_TYPE_ID(HIS_TREATMENT) khác null
- Hồ sơ có thông tin Quỹ chi trả IS_FUND_ACCEPTED(HIS_SERE_SERV) =1
- Ngược lại, nếu không thuộc các trường hợp trên thì **chặn không cho xử lý**

Lưu ý: Nghiệp vụ kiểm tra xảy ra khi click đúp vào y lệnh ở màn hình “Xử lý yêu cầu khám/cls/pttt” hoặc chọn y lệnh và nhấn “Xử lý”

2.2.2. Nghiệp vụ kiểm tra thời gian tối thiểu giữa 2 lần khám của bác sỹ

Trong trường hợp thỏa mãn đồng thời các điều kiện:

- Cấu hình **MOS.HIS_SERVICE_REQ.MIN_DURATION_BETWEEN_2_START_TIME** có giá trị > 0
- Loại y lệnh đang xử lý là khám (SERVICE_REQ_TYPE_ID = 1)
- Y lệnh đang xử lý có đối tượng là BHYT (TDL_PATIENT_TYPE_ID = id của đối tượng được cấu hình trong cấu hình MOS.HIS_PATIENT_TYPE.PATIENT_TYPE_CODE.BHYT)

thì bổ sung xử lý:

- Lấy ra các y lệnh thỏa mãn đồng thời các điều kiện:
 - Loại y lệnh là khám
 - Người xử lý (EXECUTE_LOGINNAME) là người xử lý được truyền vào
 - $X \leq \text{Thời gian bắt đầu (START_TIME)} \leq Y$. Trong đó:
 - X: Thời gian xử lý - Giá trị cấu hình (phút)
 - Y: Thời gian xử lý + Giá trị cấu hình (phút)
 - Không bị xóa (IS_DELETE = 0) hoặc đánh dấu không thực hiện (IS_NO_EXECUTE ≠ 1)
 - Có đối tượng là BHYT (TDL_PATIENT_TYPE_ID = id của đối tượng được cấu hình trong cấu hình MOS.HIS_PATIENT_TYPE.PATIENT_TYPE_CODE.BHYT)
- Nếu tồn tại y lệnh thì:

- Không cho phép thực hiện và trả về thông báo “Thời gian giữa 2 lần khám của bác sỹ không được nhỏ hơn X phút. Vui lòng kiểm tra lại thời gian bắt đầu của y lệnh AAA, BBB”. Trong đó:
 - X: là giá trị được cấu hình trong cấu hình **MOS.HIS_SERVICE_REQ.MIN_DURATION_BETWEEN_2_START_TIME**
 - AAA, BBB: là các mã y lệnh lấy ra ở trên
- Nếu không tồn tại y lệnh thì xử lý trả về theo các nghiệp vụ về kiểm tra viện phí như hiện tại

2.2.3. Tự động xuất XML checkin

Sau khi cập nhật trạng thái y lệnh thành công thì:

- Nếu y lệnh không có dịch vụ tương ứng thì bỏ qua
- Nếu y lệnh có loại là “**Khám**” và có dịch vụ khám (có HIS_SERE_SERV ương ứng với y lệnh) thì:
 - Kiểm tra hồ sơ đã xuất XML chưa:
 - Nếu **XML_CHECKIN_URL** (HIS_TREATMENT) có dữ liệu thì bỏ qua
 - Nếu **XML_CHECKIN_URL** (HIS_TREATMENT) không có dữ liệu thì:
 - Nếu **MOS.EXPORT_XML.IS_AUTO_EXPORT_XML_CHECK_IN** khác 1 thì bỏ qua
 - Nếu **MOS.EXPORT_XML.IS_AUTO_EXPORT_XML_CHECK_IN** = 1 thì kiểm tra:
 - Nếu **MOS.EXPORT_XML.XML_CHECK_IN_FOLDER_PATH** không có giá trị thì bỏ qua
 - Nếu **MOS.EXPORT_XML.XML_CHECK_IN_FOLDER_PATH** có giá trị thì gọi vào thư viện xuất XML (His.Bhyt.ExportXml), Truyền vào thư viện HIS_ICD, V_HIS_TREATMENT_3, V_HIS_SERE_SERV_2, HIS_PATIENT_TYPE_ALTER tương ứng với hồ sơ đang xử lý để :
 - Lấy file xml checkin xuất lên server, Lưu file tại đường dẫn của cấu hình **MOS.EXPORT_XML.XML_CHECK_IN_FOLDER_PATH**:
 - Nếu đẩy file thành công thì cập nhật **XML_CHECKIN_URL** (HIS_TREATMENT) = Đường dẫn lưu file XML
 - Nếu thất bại thì cập nhật lý do thất bại vào **XML_CHECKIN_DESC**

2.2.4. Tự động gửi thông báo (lên app Thẻ Việt) để nhắc sắp tới lượt khám đối với bệnh nhân có thẻ khám chữa bệnh thông minh

Sau khi thực hiện xử lý nghiệp vụ thành công thì bổ sung xử lý nghiệp vụ gửi thông báo (lưu ý, cần xử lý trước nghiệp vụ ghi nhật ký tác động), cụ thể:

- Kiểm tra, nếu cấu hình hệ thống **MOS.THE_VIET.NOTIFY.EXAM.NUM_ORDER_BEFORE** có khai báo **giá trị > 0** và phòng xử lý là **phòng khám** (HIS_EXECUTE_ROOM có ROOM_ID = EXECUTE_ROOM_ID (A) có IS_EXAM = 1) thì **tạo thread mới** để xử lý các nghiệp vụ sau:
 - Gọi y lệnh (HIS_SERVICE_REQ) hiện tại là **A**
 - **B1:** Lấy ra y lệnh (**HIS_SERVICE_REQ**) thỏa mãn đồng thời (gọi là **B**)
 - Có STT (NUM_ORDER) **nhỏ nhất và** $\geq \text{NUM_ORDER}(A) + T$. Trong đó, **T** là giá trị được khai báo trong **MOS.THE_VIET.NOTIFY.EXAM.NUM_ORDER_BEFORE**
 - Có cùng phòng xử lý với y lệnh hiện tại: EXECUTE_ROOM_ID = EXECUTE_ROOM_ID(A)
 - Đang ở trạng thái yêu cầu (SERVICE_REQ_STT_ID = 1)
 - **B2:** Nếu tồn tại B thì kiểm tra, nếu TDL_PATIENT_PHONE(B) \neq NULL thì thực hiện gọi hàm xử lý gửi thông báo lên hệ thống NMS, với input:
 - Content: “**Bác sỹ đã gọi đến số X. Vui lòng có mặt trước phòng khám Y để chuẩn bị vào khám**”. Trong đó:
 - X: Số thứ tự hiện tại (NUM_ORDER (A))
 - Y: Tên phòng khám (EXECUTE_ROOM_NAME)
 - PhoneNumber = TDL_PATIENT_PHONE(B)
 - Category = VAO_KHAM
- Mô tả tích hợp gọi hệ thống NMS:

Bổ sung hàm xử lý tích hợp hệ thống gửi thông báo NMS

- Cần tạo hàm xử lý dùng chung để cho phép gọi ở nhiều nghiệp vụ khác nhau
- Key cấu hình trong web.config:
 - *Inventec.NmsConsumer.Base.Uri*: lưu dữ liệu địa chỉ của hệ thống NMS (vd: *http://14.232.245.104:232*)
- Khai báo **apiConsumer** kết nối với các thông tin địa chỉ xác thực, tài khoản xác thực tương tự tích hợp hệ thống COS (CosConsumer), cụ thể lấy chung với cấu hình sau:

- *Inventec.CosConsumer.LoginName*
- *Inventec.CosConsumer.Password*
- *Inventec.CosConsumer.Acs.Uri*
- Hàm xử lý tích hợp để gửi thông báo:
 - Input:
 - **PhoneNumber**: string. Số điện thoại của bệnh nhân nhận thông báo
 - **Content**: string. Nội dung của thông báo
 - **CardCode**: string. Số thẻ
 - **Category**: kiểu Enum (khai báo 3 giá trị: KQ_CLS, VAO_KHAM, TAI_KHAM)
 - Xử lý:
 - Sử dụng **apiConsumer** gọi vào vào api nhắn tin (api/NmsNotification/SendByIdentifierInfo) với các thông tin:
 - PhoneNumber = PhoneNumber truyền vào
 - CardCode = CardCode truyền vào
 - Content = Content truyền vào
 - CategoryCode =
 - “029” nếu **Category = KQ_CLS**
 - “030” nếu **Category = VAO_KHAM**
 - “031” nếu **Category = TAI_KHAM**
 - Yêu cầu ghi log INFO với dữ liệu input gửi vào api và output do api trả về để phục vụ kiểm tra

2.3. Sửa api hủy kết thúc(HisServiceReq/Unfinish)

- Khi hủy kết thúc y lệnh vẫn **giữ nguyên** thông tin hẹn khám trong y lệnh(HIS_SERVICE_REQ)
 - APPOINTMENT_CODE: Mã hẹn khám
 - APPOINTMENT_DESC: Lời dặn
 - APPOINTMENT_TIME: Thời gian hẹn khám
 - TDL_APPOINTMENT_DATE: Ngày hẹn khám

2.4. Api xử lý tạm ứng thông qua thẻ (HisTransaction/EpaymentDeposit)

- Sửa input EpaymentDepositSD:

- Bổ sung trường **IncludeAttachment**: boolean
- **Sửa xử lý:**
 - **Hiện tại:** đang thực hiện thanh toán y lệnh tương ứng với ServiceReqIds mà front-end truyền lên
 - **Yêu cầu sửa:**
 - Trong trường hợp **IncludeAttachment = false** thì xử lý như hiện tại (chỉ thanh toán các y lệnh tương ứng với **ServiceReqIds** mà front-end truyền lên)
 - Trong trường hợp **IncludeAttachment = true**, thì bổ sung thêm các y lệnh được đính kèm vào các y lệnh chứa trong danh sách **ServiceReqIds**. Trong đó, các y lệnh đính kèm là các y lệnh (HIS_SERVICE_REQ) thỏa mãn đồng thời:
 - ATTACHED_ID thuộc **ServiceReqIds**
 - IS_NO_EXECUTE ≠ 1
 - IS_DELETE = 0

2.5. Api update máy cho dịch vụ theo chi tiết y lệnh("api/HisSereServ/UpdateMachine")

- Input: List<HisSereServUpdateMachineSDO>
 - ServiceReqID: long
 - SereServID: long?
 - MachineId: long
- Output: bool
- Kiểm tra:
 - Nếu bệnh nhân là BHYT thì kiểm tra nếu hồ sơ truyền lên đã duyệt giám định hồ sơ BHYT (trường IS_LOCK_HEIN trong HIS_TREATMENT = 1 và ID = TREATMENT_ID trong HIS_SERVICE_REQ có ID = ServiceReqID trong HisSereServUpdateMachineSDO) thì dừng xử lý và đưa ra thông báo "Y lệnh XXX, YYY đã duyệt hồ sơ bệnh án không cho phép sửa máy y tế" Trong đó XXX, YYY là SERVICE_REQ_CODE trong HIS_SERVICE_REQ
- Xử lý:
 - Nếu **không truyền** lên SereServID trong HisSereServUpdateMachineSDO thì
 - Thực hiện update máy xử lý cho tất cả các HIS_SERE_SERV_EXT có TDL_SERVICE_REQ_ID = ServiceReqID trong HisSereServUpdateMachineSDO
 - Update MACHINE_ID, MACHINE_CODE trong HIS_SERE_SERV_EXT = ID, MACHINE_CODE trong HIS_MACHINE có ID = MachineId trong HIS_MACHINE

- Thực hiện update máy xử lý cho tất cả các HIS_SERE_SERV_TEIN có TDL_SERVICE_REQ_ID = ServiceReqID trong HisSereServUpdateMachineSDO
 - Update MACHINE_ID trong HIS_SERE_SERV_TEIN = MachineId trong HIS_MACHINE
- Nếu có truyền lên SereServID trong HisSereServUpdateMachineSDO thì
 - Thực hiện update máy xử lý cho các HIS_SERE_SERV_EXT có SERE_SERV_ID = SereServID trong HisSereServUpdateMachineSDO
 - Update MACHINE_ID, MACHINE_CODE trong HIS_SERE_SERV_EXT = ID, MACHINE_CODE trong HIS_MACHINE có ID = MachineId trong HIS_MACHINE
 - Thực hiện update máy xử lý cho các HIS_SERE_SERV_TEIN có SERE_SERV_ID = SereServID trong HisSereServUpdateMachineSDO
 - Update MACHINE_ID trong HIS_SERE_SERV_TEIN = MachineId trong HIS_MACHINE
- Cập nhật các tên máy xử lý dịch vụ tương ứng với y lệnh vào trường **MACHINE_NAMES** trong HIS_SERVICE_REQ các tên máy ngăn cách nhau bởi dấu phẩy (,)
 - Lấy ra các MACHINE_ID trong HIS_SERE_SERV_EXT có TDL_SERVICE_REQ_ID = ServiceReqID trong HisSereServUpdateMachineSDO
 - Lấy ra MACHINE_NAME trong HIS_MACHINE có ID = MACHINE_ID lấy được ở trên
- Ghi nhật ký tác động.
 - Nếu không truyền lên SereServID trong HisSereServUpdateMachineSDO
 - Với nội dung: “Thay đổi máy xử lý cho dịch vụ. TREATMENT_CODE: **XXXX**. SERVICE_REQ_CODE: **YYYYY**. MACHINE_NAME: **ZZZZ**”. Với **XXXX** là mã điều trị, **YYYYY** là mã y lệnh tương ứng, **ZZZZ** là MACHINE_NAMES trong HIS_SERVICE_REQ
 - Nếu có truyền lên SereServID trong HisSereServUpdateMachineSDO
 - Với nội dung: “Thay đổi máy xử lý cho dịch vụ. TREATMENT_CODE: **XXXX**. SERVICE_REQ_CODE: **YYYYY**. SERE_SERV_CODE: **ZZZZ1 (MMM1)**. SERE_SERV_ID: **ZZZZ2. (MMM2)**”. Với **XXXX** là mã điều trị, **YYYYY** là mã y lệnh tương ứng, **ZZZZ1, ZZZZ2** là id chi tiết y lệnh, **MMM1, MMM2** là tên máy tương ứng với chi tiết y lệnh

2.6. Sửa hàm kiểm tra hồ sơ trước khi bắt đầu/kết thúc y lệnh (**HisServiceReqStatusCheck.IsNeedToVerifyTreatment**)

- Trả về **false** nếu thỏa mãn 1 trong các điều kiện:
 - Y lệnh có dịch vụ được check “Không bắt buộc hoàn thành”: IS_NOT_REQUIRED_COMPLETE (HIS_SERVICE_REQ) = 1

- MOS.HIS_SERVICE_REQ.IS_ALLOWING_PROCESSING_SUBCLINICAL_AFTER_LOCKING_TREATMENT = 1 và Loại y lệnh là cận lâm sàng bao gồm Giải phẫu bệnh lý, Chẩn đoán hình ảnh, Thăm dò chức năng, Nội soi, Siêu âm, Khám, Phục hồi chức năng, Xét nghiệm
- MOS.HIS_SERVICE_REQ.ALLOW_UPDATE_SURG_INFO_AFTER_LOCKING_TREATMENT = 1 và loại y lệnh là Phẫu thuật, Thủ thuật

3. FRONTEND

3.1. Grid danh sách y lệnh:

- Cho phép click vào các cột để copy nội dung của từng ô:
 - Chỉ cho phép copy sau khi click đúp chuột mới cho phép chọn nội dung để copy
 - Các cột hỗ trợ:
 - Mã điều trị (TDL_TREATMENT_CODE)
 - Mã bệnh nhân (TDL_PATIENT_CODE)
 - Tên bệnh nhân (TDL_PATIENT_NAME)
 - Năm sinh (DOB_DISPLAY)

3.2. Menu “Phân loại bệnh nhân” vào menu chuột phải (khi click chuột phải vào 1 bệnh nhân trên grid) :

- Khi click chuột vào menu “Phân loại bệnh nhân” thì lấy TDL_PATIENT_CLASSIFY_ID, PATIENT_ID của bản ghi tương ứng để truyền vào và mở ra module “Cập nhật thông tin phân loại bệnh nhân”(HIS.Desktop.Plugins.UpdatePatientClassify)

3.3. Sửa lại trạng thái Đã xử lý (icon màu vàng):

- Trạng thái dịch vụ là Đã xử lý khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:
 - BEGIN_TIME, NOTE hoặc CONCLUDE trong HIS_SERE_SERV_EXT tương ứng với dịch vụ đang xử lý có dữ liệu

3.4. Khi Xử lý y lệnh (click đúp vào y lệnh hoặc bấm Xử lý):

3.4.1. Hiện thị thông báo có nội dung Ghi chú:

- Nếu y lệnh là Khám thì :
 - Nếu y lệnh có thông tin Ghi chú (NOTE - L_HIS_SERVICE_REQ) thì hiện thị thông báo: “**A**”. Trong đó **A** là thông tin NOTE (L_HIS_SERVICE_REQ). Người dùng nhấn “Đồng ý” hoặc tắt thông báo thì tiếp tục mở màn hình xử lý.
 - Ngược lại thì không hiện thị thông báo.

3.4.2. Thời gian bắt đầu không được lớn hơn thời gian y lệnh:

- Nếu **HIS.Desktop.Plugins.StartTimeMustBeGreaterThanInstructionTime = 1** thì luôn kiểm tra không cho phép thời gian hiện tại nhỏ hơn thời gian y lệnh:
 - Nếu thời gian hiện tại **nhỏ hơn** thời gian y lệnh (thời gian hiện tại < INSTRUCTION_TIME) thì hiện thị thông báo “**Thời gian bắt đầu không được nhỏ hơn thời gian y lệnh**” và không cho phép bắt đầu.
- Nếu **HIS.Desktop.Plugins.StartTimeMustBeGreaterThanInstructionTime = 2** thì chỉ kiểm tra không cho phép thời gian hiện tại nhỏ hơn thời gian y lệnh nếu y lệnh có loại là khám:
 - Nếu loại y lệnh là **khám (SERVICE_REQ_TYPE_ID = 1)** và thời gian hiện tại **nhỏ hơn** thời gian y lệnh (thời gian hiện tại < INSTRUCTION_TIME) thì hiện thị thông báo “**Thời gian bắt đầu không được nhỏ hơn thời gian y lệnh**” và không cho phép bắt đầu.

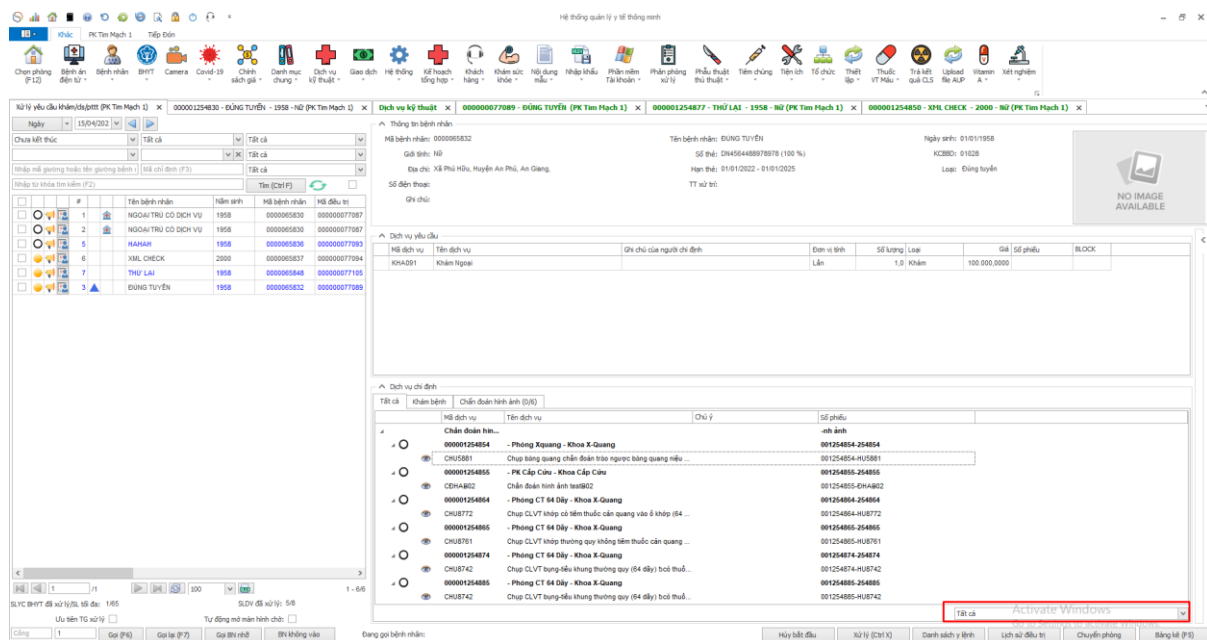
3.5. Tự động thanh toán dịch vụ qua thẻ khi xử lý y lệnh:

- Nếu api **HisServiceReq/Start** trả về dữ liệu **MessageCodes** (trong **CommonParam**) có chứa mã là “**HisServiceReq_KhongChoPhepBatDauKhiThieuVienPhi**” thì:
 - Nếu **MOS.EPAYMENT.IS_USING_EXECUTE_ROOM_PAYMENT** khác 1 thì kết thúc xử lý, hiện thị thông báo từ api trả về
 - Nếu **MOS.EPAYMENT.IS_USING_EXECUTE_ROOM_PAYMENT = 1** và phòng đang làm việc có khai báo “**Sổ tạm ứng**” và “**Phòng thu ngân**” (V_HIS_ROOM tương ứng với phòng đang làm việc có DEPOSIT_ACCOUNT_BOOK_ID ≠ null, DEFAULT_CASHIER_ROOM_ID ≠ null. Lưu ý, nên lấy dữ liệu V_HIS_ROOM từ RAM để tránh hiệu năng) thì:
 - Kiểm tra bệnh nhân có thẻ hay không. Cụ thể, lấy ra tất cả các HIS_CARD thỏa mãn:

- PATIENT_ID = TDL_PATIENT_ID của HIS_SERVICE_REQ đang chọn
- IS_ACTIVE = 1
- Nếu không có thể tương ứng thì hiển thị thông báo từ api **HisServiceReq/Start** trả về
- Nếu có thì hiển thị thông báo có lựa chọn Có/Không: "XXXX. Bạn có muốn đóng tiền không?". Trong đó, XXXX là nội dung thông báo do api **HisServiceReq/Start** trả về trước đó.
 - Nếu chọn **Không** thì kết thúc xử lý.
 - Nếu chọn **Có** thì gọi api **HisTransaction/EpaymentDeposit**, truyền input **EpaymentDepositSD** :
 - **CardServiceCode**: null
 - **RequestRoomId**: id phòng đang làm việc
 - **ServiceReqIds** = id của y lệnh đang thực hiện
 - **IncludeAttachment**
 - Nếu y lệnh đang chọn là y lệnh khám (SERVICE_REQ_TYPE_ID = 1) thì truyền **true**
 - Nếu y lệnh đang chọn không phải y lệnh khám (SERVICE_REQ_TYPE_ID ≠ 1) thì truyền **false**
 - Nếu thanh toán thành công thì gọi lại vào api **HisServiceReq/Start** để cập nhật trạng thái y lệnh sang **"Đang xử lý"** và mở ra màn hình xử lý. Ngược lại thì hiển thị thông báo của api trả về và không mở màn hình xử lý khám

3.6. Combobox tìm kiếm dịch vụ chỉ định:

- Lưu trạng thái của lần sử dụng trước đó
- Thêm điều kiện lọc Tất cả (không bao gồm dịch vụ nội trú)
- Xử lý khi lọc theo Tất cả (không bao gồm dịch vụ nội trú):
 - Hiển thị tất cả dịch vụ của diện điều trị Khám ((TDL_TREATMENT_TYPE_ID - HIS_SERVICE_REQ = 1))
- Xử lý khi lọc theo Tất cả :
 - **Hiện tại**: Chỉ hiển thị dịch vụ của y lệnh có PARENT_ID khác null
 - **Sửa lại**: Hiển thị tất cả dịch vụ của hồ sơ



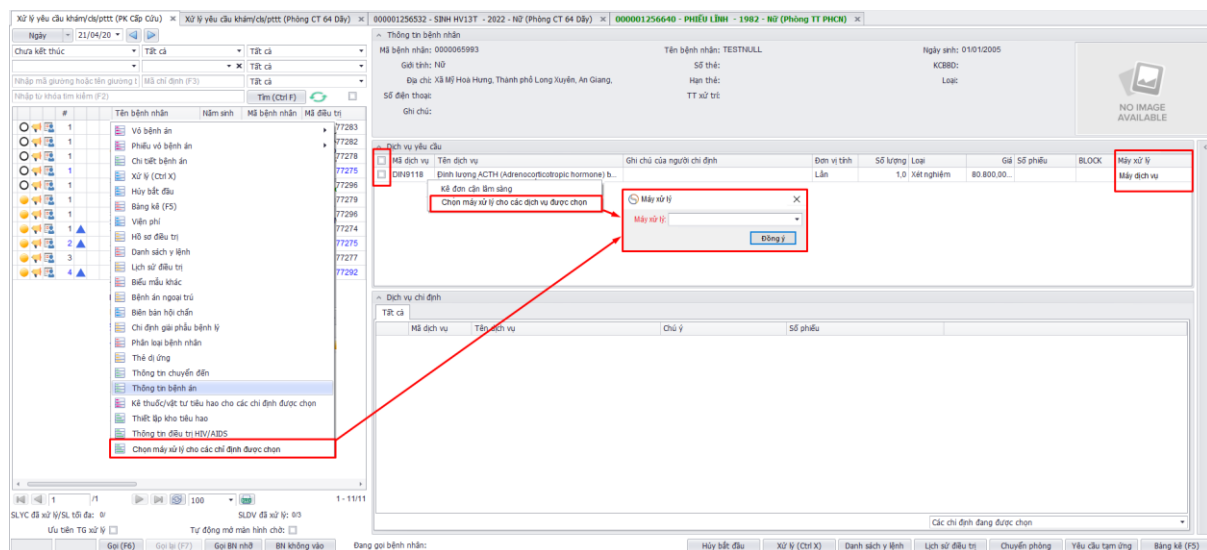
3.7. Sửa menu chuột phải → Thông tin điều trị HIV/AIDS:

- Bổ sung menu Thông tin điều trị HIV/AIDS
- Xử lý: Gọi vào chức năng **HIS.Desktop.Plugins.HisHivTreatment**, truyền vào HIS_TREATMENT của hồ sơ tương ứng với y lệnh đang xử lý

3.8. Máy xử lý

- Bổ sung cột chọn nhiều dịch vụ trong danh sách dịch vụ
- Bổ sung cột “Máy xử lý” vào danh sách dịch vụ
 - Để ở bên phải cột “BLOCK”
 - Dữ liệu lấy từ trường MACHINE_NAME trong HIS_MACHINE có ID = MACHINE_ID trong HIS_SERE_SERV_EXT
- Bổ sung “Chọn máy xử lý cho các dịch vụ được chọn” vào menu chuột phải ở danh sách dịch vụ

- Chỉ hiển thị khi dịch vụ thuộc 1 trong các loại sau: siêu âm, Thăm dò chức năng, nội soi, Chẩn đoán hình ảnh, Xét nghiệm
- Khi ấn vào thì
 - Kiểm tra nếu không có dịch vụ nào được tích chọn thì đưa ra thông báo “Bạn chưa chọn dịch vụ.” và dừng không xử lý
 - Nếu có chọn dịch vụ thì Mở ra popup “Thiết lập máy xử lý”
- Bổ sung thêm cột “Máy xử lý” vào danh sách y lệnh
 - Để sau cột “Đối tượng bệnh nhân”
 - Dữ liệu lấy từ trường MACHINE_NAMES trong HIS_SERVICE_REQ
- Bổ sung “Chọn máy xử lý cho các chỉ định được chọn” vào menu chuột phải ở danh sách y lệnh
 - Chỉ hiển thị khi y lệnh thuộc 1 trong các loại sau: siêu âm, Thăm dò chức năng, nội soi, Chẩn đoán hình ảnh, Xét nghiệm
 - Khi ấn vào thì
 - Kiểm tra nếu không có y lệnh nào được tích chọn thì đưa ra thông báo “Bạn chưa chọn y lệnh.” và dừng không xử lý
 - Nếu có chọn y lệnh thì mở ra popup “Thiết lập máy xử lý”
- Bổ sung Popup “Máy xử lý”
 - Combobox “Máy xử lý”
 - Bắt buộc nhập. Nếu không nhập thì có cảnh báo tam giác và có tooltip “Trường dữ liệu bắt buộc”
 - Dữ liệu lấy HIS_MACHINE (lấy từ RAM) có IS_ACTIVE = 1 và ROOM_IDS thuộc danh sách phòng đang làm việc (WorkPlace.GetRoomIds())
 - Ấn “Đồng ý” thì
 - Gọi vào api update máy cho dịch vụ ("api/HisSereServ/UpdateMachine") input là List<HisSereServUpdateMachineSDO>
 - Nếu mở từ menu chuột phải danh sách y lệnh thì **không truyền** lên api thông tin của trường **SereServID** trong **HisSereServUpdateMachineSDO**. Các thông tin khác truyền đầy đủ
 - Nếu mở từ menu chuột phải danh sách dịch vụ thì truyền đủ các thông tin trong **HisSereServUpdateMachineSDO**.



3.9. Danh sách dịch vụ đã chỉ định

- Trường hợp y lệnh đang hiển thị icon màu **xanh lá cây** với tooltip chú thích là **“Đã lấy mẫu”** trong khi thỏa mãn các điều kiện
 - Y lệnh có loại là xét nghiệm(SERVICE_REQ_TYPE_ID = 2 - IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_SERVICE_REQ_TYPE.ID__XN)
 - Trạng thái chưa xử lý(SERVICE_REQ_STT_ID = 1 - IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_SERVICE_REQ_STT.ID__CXL)
 - Có thời gian lấy mẫu(SAMPLE_TIME khác null)
- Trường hợp y lệnh đang hiển thị icon màu **cam** với tooltip chú thích là **“Đã nhận mẫu”** trong khi thỏa mãn các điều kiện
 - Y lệnh có loại là xét nghiệm(SERVICE_REQ_TYPE_ID = 2 - IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_SERVICE_REQ_TYPE.ID__XN)
 - Trạng thái **đang xử lý**(SERVICE_REQ_STT_ID = 2 - IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_SERVICE_REQ_STT.ID__DXL)
 - Có thời gian **chấp nhận mẫu**(RECEIVE_SAMPLE_TIME khác null)

Dịch vụ chỉ định				
Tất cả	Khám (0/1)	Xét nghiệm (0/1)	Chẩn đoán hình ảnh (0/1)	
	Mã dịch vụ	Tên dịch vụ	Chú ý	Số phiếu
▼ 🟡	000001267011	- PK Cấp Cứu - Khoa Cấp Cứu		001267011-267011
	KHA091	Khám Ngoại		001267011-KHA091
▼	Xét nghiệm			-nghiệm
▼ 🟠	000001267013	- Phòng XN Hóa Sinh - Khoa Hóa Sinh		001267013-267013
	DIN9165	Định lượng Ferritin bMáu		001267013-IN9165

3.10. Bổ sung thông tin khoa nhập viện với bệnh nhân nhập viện, nơi chuyển đến với bệnh nhân chuyển viện ở phân thông tin bệnh nhân

- Phần “Thông tin bệnh nhân”
 - Khi Click vào 1 y lệnh
 - **Gọi api và gán dữ liệu theo hình thức bất đồng bộ để k ảnh hưởng đến thao tác người dùng**
 - Thực hiện gọi V_HIS_TREATMENT_4 với ID = TREATMENT_ID (L_HIS_SERVICE_REQ)
 - **“Khoa nhập viện:”**
 - Hiển thị dữ liệu lấy từ trường HOPITALIZE_DEPARTMENT_NAME (V_HIS_TREATMENT_4)
 - **“Nơi chuyển đến: ”**
 - Hiển thị dữ liệu lấy từ trường MEDI_ORG_NAME (HIS_TREATMENT)
 - Chỉ hiển thị khi kết thúc điều trị (EXAM_END_TYPE (L_HIS_SERVICE_REQ) = 3)

Xử lý yêu cầu khám/cls/pttt (phòng khám 1)

Tháng: 12/21

Kết thúc: Tất cả

Nhập mã giường hoặc từ khóa tìm kiếm (F2): Tìm (Ctrl F)

#	Tên bệnh nhân	Năm sinh
5	SINH HK15	1999
16	SINH HK16	1999
17	SINH HK17	1999
18	SINH HK18	1999
19	SINH HK19	1999
13	PO	1975
5	SINH HK6	1999
7	SINH HK7	1999
8	SINH HK8	1999
12	SINH HK12	1999
13	TEST PPDT	2000

SLYV đã xử lý/SL tối đa: 0/ SLDV đã xử lý: 2/4

Ưu tiên TG xử lý: Tự động mở màn hình chờ:

Gọi (F6) Gọi lại (F7) Gọi BN nhờ BN không vào

Thông tin bệnh nhân

Mã bệnh nhân: 0000125490 Tên bệnh nhân: TRÁI TUYẾN Ngày sinh: 01/01/1992 (31)

Giới tính: Nam Số thẻ: DN4283747234672 (80,0 %) KCBBD: 08203

Địa chỉ: Phường 11, Quận 10, Hồ Chí Minh Hạn thẻ: 01/01/2023 - 01/01/2024 Loại: Trái tuyến

Khoa nhập viện: Khoa cấp cứu Số điện thoại: TT xử trí: Kết thúc điều trị

Nơi chuyển đến: Loại ra viện: Cấp toa cho về Kết quả ra viện: Đỡ

Ghi chú:

Dịch vụ yêu cầu

Mã dịch vụ	Tên dịch vụ	Ghi chú của người chỉ định	Đơn vị tính	Số lượng	Loại
012	khám ngoại		Lần	1,0	Khẩn

Dịch vụ chỉ định

Tất cả Khám bệnh

Mã dịch vụ	Tên dịch vụ	Chú ý	Số phiếu
------------	-------------	-------	----------

Thu gọn Các chỉ định đang được chọn

Đang gọi bệnh nhân: hủy bắt đầu kết thúc (C) anh sách y lện Lịch sử điều trị Chuyển phòng Bảng kê (F5)

3.11. Thông tin chẩn đoán ở phần Thông tin bệnh nhân

- Phần “Thông tin bệnh nhân”
 - Bổ sung lable “Chẩn đoán chính:”:
 - Hiển thị dữ liệu theo dạng: **mã chẩn đoán** (ICD_CODE (L_HIS_SERVICE_REQ tương ứng với hồ sơ đang làm việc)) - **tên chẩn đoán** (ICD_NAME (L_HIS_SERVICE_REQ tương ứng với hồ sơ đang làm việc))
 - Bổ sung lable “Chẩn đoán phụ:”:
 - Hiển thị dữ liệu theo dạng: **mã chẩn đoán** (ICD_SUB_CODE (L_HIS_SERVICE_REQ tương ứng với hồ sơ đang làm việc)) - **tên chẩn đoán** (ICD_TEXT (L_HIS_SERVICE_REQ tương ứng với hồ sơ đang làm việc))

Xử lý yêu cầu khám/cls/pttt (phòng khám 1)

Ngày: 16/1/2024

Chưa kết thúc: Tất cả

Nhập mã giường hoặc tỉ: Tất cả

Nhập từ khóa tìm kiếm (F2): Tìm (Ctrl F)

#	Tên bệnh nhân	Năm sinh
1	SINH HK15	1999

Thông tin bệnh nhân

Mã bệnh nhân: Tên bệnh nhân: Ngày sinh: KCBBD: Loại:

Giới tính: Số thẻ: Hạng thẻ:

Địa chỉ: Khoa nhập viện: Ghi chú:

Chẩn đoán chính: Chẩn đoán phụ:

Dịch vụ yêu cầu

Mã dịch vụ	Tên dịch vụ	Ghi chú của người chỉ định	Đơn vị tính	Số lượng	Loại
------------	-------------	----------------------------	-------------	----------	------

Dịch vụ chỉ định

Tất cả

Mã dịch vụ	Tên dịch vụ	Chú ý	Số phiếu
------------	-------------	-------	----------

Thu gọn Các chỉ định đang được chọn

SLYC đã xử lý/SL tối đa: 0/ SLDV đã xử lý: 1 - 1/1

Ưu tiên TG xử lý: Tự động mở màn hình chờ:

Gọi (F6) Gọi lại (F7) Gọi BN nhớ BN không vào

Đang gọi bệnh nhân: Hủy bắt đầu Xử lý (Ctrl X) Inh sách y lệnh Lịch sử điều trị Chuyển phòng Bảng kê (F5)

3.12. Luôn hiển thị kết quả của các dịch vụ trừ dịch vụ xét nghiệm phải hoàn thành mới được hiển thị

- Hiện thị icon hình con mắt để xem kết quả của dịch vụ khi thỏa mãn 1 trong các trường hợp sau:
 - Key cấu hình hệ thống "HIS.Desktop.Plugins.ContentSubclinical.ShowResultWhenReqComplete" = 1 và y lệnh ở trạng thái hoàn thành (SERVICE_REQ_STT_ID (V_HIS_SERE_SERV_7) = IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_SERVICE_REQ_STT.ID__HT)
 - Key cấu hình hệ thống "HIS.Desktop.Plugins.ContentSubclinical.ShowResultWhenReqComplete" = 2 và y lệnh không phải là xét nghiệm chưa hoàn thành (TDL_SERVICE_TYPE_ID (V_HIS_SERE_SERV_7) = IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_SERVICE_TYPE.ID__XN và SERVICE_REQ_STT_ID (V_HIS_SERE_SERV_7) <> IMSys.DbConfig.HIS_RS.HIS_SERVICE_REQ_STT.ID__HT)
 - Key cấu hình hệ thống "HIS.Desktop.Plugins.ContentSubclinical.ShowResultWhenReqComplete" <> 1,2

Tháng01/2024

Chưa kết thúcTất cảTất cả

Nhập mã giường hoặc tên giường tTất cả

Nhập từ khóa tìm kiếm (F2)Tìm (Ctrl F)

		#	Tên bệnh nhân	Năm sinh	Mã bệnh nhân	Mã điều trị
<input type="checkbox"/>	<input type="radio"/>	1	PHÍ PHƯƠNG NAM	1998	0000125784	00000014!
<input type="checkbox"/>	<input type="radio"/>	2	PHÍ PHƯƠNG NAM	1998	0000125784	00000014!
<input type="checkbox"/>	<input type="radio"/>	3	PHÍ PHƯƠNG NAM	1998	0000125784	00000014!
<input type="checkbox"/>	<input type="radio"/>	4	PHÍ PHƯƠNG NAM	1998	0000125784	00000014!
<input type="checkbox"/>	<input type="radio"/>	1	PHÍ PHƯƠNG NAM	1998	0000125812	00000014!
<input type="checkbox"/>	<input type="radio"/>	3	SINH SMLTSS	2024	0000125823	00000014!
<input type="checkbox"/>	<input type="radio"/>	2	SINH XMLTT5	1999	0000125822	00000014!
<input type="checkbox"/>	<input type="radio"/>	3	NGUYỄN THỊ THU HƯ...	2001	0000125813	00000014!
<input type="checkbox"/>	<input type="radio"/>	9	BÙI VIỆT TUẤN	1992	0000125815	00000014!
<input type="checkbox"/>	<input type="radio"/>	10	SINH IN1	1999	0000125816	00000014!
<input type="checkbox"/>	<input type="radio"/>	12	SINH LI1	1999	0000125820	00000014!
<input type="checkbox"/>	<input type="radio"/>	13	ĐÀO LY LINH	1997	0000125821	00000014!
<input type="checkbox"/>	<input type="radio"/>	1	SINH XMLTT1	1999	0000125810	00000014!
<input type="checkbox"/>	<input type="radio"/>	2	SINH XMLTT2	1999	0000125811	00000014!
<input type="checkbox"/>	<input type="radio"/>	6	SINH JLJL1	1999	0000125814	00000014!
<input type="checkbox"/>	<input type="radio"/>	8	BÙI VIỆT TUẤN	1992	0000125815	00000014!
<input type="checkbox"/>	<input type="radio"/>	1	SINH KKK1	1999	0000125691	00000014!
<input type="checkbox"/>	<input type="radio"/>	5	T2	2004	0000125809	00000014!
<input type="checkbox"/>	<input type="radio"/>	2	TEST THUỐC	1979	0000125806	00000014!
<input type="checkbox"/>	<input type="radio"/>	3	CHECK	1972	0000125807	00000014!
<input type="checkbox"/>	<input type="radio"/>	4	HAI	1972	0000125808	00000014!
<input type="checkbox"/>	<input type="radio"/>	3	TD	2004	0000125799	00000014!
<input type="checkbox"/>	<input type="radio"/>	5	TEST G	2004	0000125801	00000014!
<input type="checkbox"/>	<input type="radio"/>	6	DFH	1990	0000125802	00000014!
<input type="checkbox"/>	<input type="radio"/>	7	6554	2004	0000125803	00000014!

1/1

100

1 - 80/80

SLYC đã xử lý/SL tối đa: 0/SLDV đã xử lý: 2/3

Thông tin bệnh nhân

Mã bệnh nhân: 0000125806Tên bệnh nhân: TEST THUỐCNgày sinh: 01/01/1979 (45 tuổi)

Giới tính: NamSố thẻ: DN4201164541545 (80,0 %)KCBBD: 34002

Địa chỉ: Phường 12, Quận 10, Hồ Chí MinhHạn thẻ: 01/01/2024 - 31/12/2024Loại: Đứng tuyến

Khoa nhập viện:Số điện thoại:TT xử trí: Khám thêm

Ghi chú:

Chẩn đoán chính: A01.1 - Bệnh phổ thương hàn A

Chẩn đoán phụ:

Dịch vụ yêu cầu

Mã dịch vụ	Tên dịch vụ	Ghi chú của người chỉ định	Đơn vị tính	Số lượng	Loại	Giá	Số phiếu
012	khám ngoại		Lần	1,0	Khám	38.000,0...	

Dịch vụ chỉ định

Tất cảKhám bệnhKhám (0/2)Chẩn đoán hình ảnh (0/1)Thuốc (0/2)

Mã dịch vụ	Tên dịch vụ	Chú ý	Số phiếu
Chẩn đoán hình ảnh			
0000008372...	- Phòng Chụp MRI (P.101) - Trung Tâm Điện ...		000837219-837219
BM10389	Chụp cộng hưởng từ tim đánh giá các khối u tim c...		000837219-M10389
Khám			
0000008372...	- phòng khám 1 - Khoa Khám Bệnh		000837218-837218
012	khám ngoại		000837218-012
0000008372...	- phòng khám 2 - Khoa Khám Bệnh		000837220-837220
011	khám nội		000837220-011
Thuốc			
0000008372...	- kho nội trú - Khoa Dược		000837239-837239